

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
Q.THANH KHÊ TP. ĐÀ NẴNG**

Bản án số 21/2024/KDTM-ST

Ngày 28 tháng 9 năm 2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vận chuyển*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. THANH KHÊ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận và ông Đặng Ngọc Thúy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Đình Vui - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 28 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 30/2024/TLST - KDTM ngày 02 tháng 08 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vận chuyển*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐST-KDTM ngày 05 tháng 9 năm 2024; Quyết định đưa hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST-KDTM ngày 19 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Công ty TNHH Đ**. Trụ sở: **Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng**. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Đại H** - Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn T** và bà **Trần Thị Minh H1** - Địa chỉ: **A D, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng**, có mặt.

* Bị đơn: **Công ty TNHH MTV T2**. Trụ sở: **K D, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng**. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đặng Đức T1** - Chức vụ: Giám đốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, **Công ty TNHH Đ** trình bày:*

Ngày 10/5/2022, **Công ty TNHH MTV T2** và **Công ty TNHH Đ** đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 1015/2022/HĐKT/ĐHP-TGS về việc thuê xe vận chuyển vật liệu:

Tuyến đường vành đai phía Tây đoạn từ nút giao QL14B đến trục chính khu công nghệ thông tin tập trung để điều phối cho dự án.

Ngày 20/5/2022, tại Văn phòng Công ty T2, hai bên tiếp tục ký kết Hợp đồng kinh tế số 20/2022/HĐKT/ĐHP-TGS về việc vận chuyển đất đắp đường điều phối đoạn Km17+170.87 – Km17+288 đến đoạn Km1+00-Km3+00 thuộc dự án: Tuyến đường vành đai phía Tây đoạn từ QL14B đến đường H.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH MTV T2 phát sinh công nợ, hai bên đã ký bảng tổng hợp công nợ vào ngày 30/6/2022 xác định Công ty TNHH MTV T2 còn nợ Công ty Đ tổng số tiền là 677.889.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm tám mươi chín ngàn đồng). Sau nhiều lần yêu cầu thanh toán thì bên phía công ty T2 đã thanh toán được 262.860.000 đồng. Tính đến nay Công ty TNHH MTV T2 còn nợ Công ty Đ tổng số tiền gốc là 415.039.000.

Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn theo cam kết nhưng Công ty TNHH MTV T3 thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho công ty TNHH Đ. Mặc dù đã nhiều lần liên lạc để nhắc nhở về việc thanh toán công nợ nhưng công ty TNHH Đ vẫn không nhận được bất cứ phản hồi hay động thái gì từ Công ty TNHH MTV T2.

Do đó, kính đề nghị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng giải quyết cho công ty TNHH Đ các vấn đề cụ thể như sau:

1. Yêu cầu Q Công ty thanh toán cho công ty TNHH Đ số tiền gốc còn lại là: 415.039.000 đồng.

2. Tiền lãi chậm trả tạm tính: $415.039.000 \times 10\%/năm \times 734 \text{ ngày} = 85.696.724$ đồng. (Tạm tính từ 30/06/2022 đến 02/7/2024: 734 ngày)

3. Tiền lãi chậm trả tạm tính: $415.039.000 \times 10\%/năm \times 56 \text{ ngày} = 6.367.722$ đồng. (Tạm tính từ 02/7/2022 đến 26/8/2024: 56 ngày)

Tổng cộng số tiền gốc và lãi chậm trả Q Công ty phải trả là: (415.039.000 đồng + 85.696.724 đồng + 6.367.722 đồng) - 20.000.000 đồng = 507.103.446 đồng, trả 1 lần.

Ngoài ra, tôi yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH MTV T2 phải chịu lãi suất chậm trả cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán nợ cho Công ty TNHH Đ.

* Trong văn bản gửi Tòa án và trong quá trình tham gia tố tụng, đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH MTV T2 trình bày:

Thứ nhất, về yêu cầu công ty T2 thanh toán cho Công ty TNHH Đ số tiền: 415.039.000 đồng (Bốn trăm ba mươi lăm triệu không trăm ba mươi chín triệu đồng), chúng tôi không đồng ý vì lý do như sau:

Ngày 10/5/2022, Công ty T2 và Công ty Đ ký kết Hợp đồng kinh tế số: 1015/2022/HĐKT-ĐHP-TGS về việc thuê xe vận chuyển vật liệu Tuyến đường vành đai phía Tây đoạn từ nút giao QL14B đến trục chính khu công nghệ thông tin tập trung để điều phối dự án.

Và ngày 20/5/2022 hai bên Công ty T2 và Công ty Đ tiếp tục ký kết Hợp đồng kinh tế số: 20/2022/HĐKT-ĐHP-TGS về việc vận chuyển đắp đường điều phối đoạn Km17+170.87 – Km17+288 đến đoạn Km1+00-Km3+00 thuộc dự án: Tuyến đường vành đai phía Tây đoạn từ QL14B đến đoạn đường H.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 30/6/2022 hai bên Công ty đã xác nhận công nợ là: 677.889.000 đồng, sau khi chốt công nợ, Công ty T2 đã thanh toán cho Công ty Đ tính đến ngày 02/7/2024 với số tiền là: 262.850.000 đồng trong đó số nợ mà Công ty T2 còn nợ Công ty Đ tính đến ngày 17/6/2024 là: 435.039.000đ, đến ngày 02/7/2024 Công ty T2 tiếp tục thanh toán cho Công ty Đ số tiền: 20.000.000 đồng. Do đó, đến nay số tiền nợ còn lại là: 415.039.000 đồng.

Thứ hai, về yêu cầu trả số tiền lãi phạt tạm tính theo đơn khởi kiện của Công ty Đ là không có căn cứ, vì:

Như trình bày ở trên, đến ngày 30/6/2022 hai Công ty đã tiến hành chốt công nợ, và sau đó Công ty T2 tiếp tục thanh toán nợ cho Công ty Đ liên tục cho đến ngày 02/7/2024, và tính đến ngày 02/7/2024 Công ty T2 vẫn đang tiến hành trả nợ cho Công ty Đ và đã trả được cho Công ty Đ số tiền 262.850.000 đồng (Hai trăm sáu mươi hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Như vậy, việc Công ty Đ yêu cầu trả số tiền lãi phạt là: 85.696.724 đồng là không có căn cứ vì cho đến nay chúng tôi vẫn đang tiến hành thanh toán công nợ cho Công ty Đ và chưa vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Chúng tôi xin khẳng định lại, phía Công ty chúng tôi vẫn đang thiện chí trả nợ cho Công ty Đ và thực tế sau khi hai bên Công ty chốt công nợ chúng tôi vẫn đang thanh toán cho Công ty Đ đến ngày 02/7/2024.

Công ty chúng tôi đồng ý trả số tiền gốc 415.039.000 đồng, trả mỗi tháng 30.000.000đ. Còn tiền lãi sẽ bắt đầu tính từ tháng 8.2024 theo mức lãi suất Ngân hàng N quy định.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc còn nợ là 385.039.000đ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa nguyên đơn Công ty TNHH Đ với Công ty TNHH MTV T4 tranh chấp hợp đồng vận chuyển, bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận T nên Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Trong năm 2022, Công ty TNHH Đ và Công ty TNHH MTV T2 đã ký 02 hợp đồng kinh tế, cụ thể, ngày 10/5/2022, ký kết Hợp đồng kinh tế số: 1015/2022/HĐKT-ĐHP-TGS về việc thuê xe vận chuyển vật liệu Tuyến đường vành đai phía Tây đoạn từ nút giao QL14B đến trục chính khu công nghệ thông tin tập trung để điều phối dự án và ngày 20/5/2022 tiếp tục ký kết Hợp đồng kinh tế số: 20/2022/HĐKT-ĐHP-TGS về việc vận chuyển đắp đường điều phối đoạn Km17+170.87 – Km17+288 đến đoạn Km1+00-Km3+00 thuộc dự án: Tuyến đường vành đai phía Tây đoạn từ QL14B đến đoạn đường H. Các Hợp đồng này là hợp đồng kinh tế, phù hợp về hình thức, nội dung không trái pháp luật và trái đạo đức xã hội nên được thừa nhận và bảo vệ. Vì vậy, các bên tham gia trong hợp đồng có các quyền và thực hiện các nghĩa vụ đã thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy, trong nội dung của hợp đồng các bên đều thỏa thuận về khối lượng, đơn giá và phương thức thanh toán. Thực hiện các hợp đồng đã ký, Công ty TNHH Đ đã thực hiện công việc như đã ký kết. Đến ngày 30/6/2022, các bên đã tiến hành đối chiếu công nợ và xác định Công ty TNHH MTV T2 còn nợ Công ty TNHH Đ số tiền 677.889.000 đồng, sau khi chốt công nợ đến nay Công ty TNHH MTV T2 chỉ thanh toán được số tiền 292.850.000 đồng, còn nợ 385.039.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy, Công ty TNHH MTV T2 đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền theo các cam kết trong hợp đồng là vi phạm điều khoản thanh toán mà các bên đã ký kết, ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty TNHH Đ. Như vậy, Công ty TNHH MTV T4 bên có lỗi trong quan hệ hợp đồng kinh tế, là bên vi phạm các cam kết trong hợp đồng. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền còn nợ là có căn cứ cần thiết được chấp nhận. Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải trả số tiền còn lại là 385.039.000 đồng cho nguyên đơn là phù hợp.

Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Công ty TNHH MTV T2 yêu cầu được trả dần số tiền nợ mỗi tháng 30.000.000đ, việc yêu cầu được trả dần số nợ không được nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[3] Vì chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, bị đơn phải chịu là 19.251.950 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng vận chuyển*” của Công ty TNHH Đ đối với Công ty TNHH MTV T2.

2. Áp dụng: - Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 85, 87, và 306 Luật Thương mại.

- Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

* **Xử** : Buộc Công ty TNHH MTV T2 phải trả cho Công ty TNHH Đ số tiền 385.039.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, Công ty TNHH MTV T2 còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 19.251.950 đồng, Công ty TNHH MTV T2 phải chịu.

Hoàn trả cho Công ty TNHH Đ số tiền 12.414.714 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001404 ngày 25.7.2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai, nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. bị đơn vắng tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;

- VKSND Q. Thanh Khê;

- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Ngọc Cường

